

Phân tích khổ 3 bài thơ Bếp lửa của Bằng Việt

1. Khái quát ý nghĩa khổ 3 bài Bếp lửa

Khổ thơ thứ ba của bài Bếp lửa nói về việc nhóm lửa suốt một thời gian dài 8 năm của hai bà cháu. Có tiếng chim tu hú kêu gọi mùa lúa chín trên những cánh đồng quê. Tiếng chim tu hú, những chuyện kể của bà về Huế thân yêu đã trở thành kỉ niệm. "Tu hú kêu...", "khi tu hú kêu...", "tiếng tu hú"..., cái âm thanh đồng quê thân thuộc ấy được nhắc đi nhắc lại nhiều lần càng trở nên tha thiết bồi hồi. Đó là tiếng vọng thời gian năm tháng của kỉ niệm về gia đình (bếp lửa), về quê hương (tiếng chim tu hú) yêu thương. Cháu thăm hỏi bà hay tự hỏi lòng mình về một thời xa vắng:



*"Tám năm ròng cháu cùng bà nhóm lửa
Tu hú kêu trên những cánh đồng xa
Khi tu hú kêu bà còn nhớ không bà
Bà hay kể chuyện những ngày ở Huế
Tiếng tu hú sao mà tha thiết thế."*

"Cháu cùng bà nhóm lửa", nhóm lửa của sự sống, nhóm ngọn lửa của tình thương.

2. Một số bài văn mẫu hay phân tích khổ 3 Bếp lửa

Bài văn mẫu 1: Phân tích khổ 3 bài thơ Bếp lửa của Bằng Việt

Mỗi người sinh ra ai cũng có cho mình những kỷ niệm về một thời tuổi thơ. Vui có buồn có, sướng vui có thì khó nhọc cũng có. Nhà thơ Bằng Việt cũng vậy, với riêng ông, cả một thời tuổi thơ là những gì cả cuộc đời sau đó ông đã không thể nào quên, những kỷ niệm bên người bà đầu yêu, và đó là lý do mà bài thơ Bếp lửa

ra đời. "Bếp lửa" không chỉ làm ấm tình cảm bà cháu mà còn sưởi ấm một đời người... "Bếp lửa" hay cùng chính là bà đang bên cháu, hình ảnh bà đang hiện về lung linh qua ánh lửa.

Ở một đất nước xa xôi, cô quạnh, bao nhiêu ký ức về người bà một đời khắc khổ nuôi ông lớn khôn hiện hữu về như mới ngày hôm qua:

"Tám năm ròng cháu cùng bà nhóm lửa

.....

Tiếng tu hú sao mà tha thiết thế!"

Giọng thơ thủ thi như kể một câu chuyện cổ tích. Đó là những năm tháng của cuộc sống gian khổ, cơ cực mà đứa cháu lớn lên trong sự che chở, đùm bọc, cưu mang của người bà. Tám năm. Tám năm kháng chiến. Tám năm khó khăn. Tám năm trời dài đằng đẵng với bao kỉ niệm buồn vui bên bà, bên bếp lửa.

Nếu trong hồi ức lúc tác giả lên bốn tuổi, ấn tượng đậm nét nhất là mùi khói thì ở đây, ấn tượng ấy là tiếng chim tu hú. Tiếng chim tu hú vang lên vừa gọi lại trong tâm hồn tác giả bao kỉ niệm khó quên, vừa đẩy lên nỗi nhớ quê hương, nhớ nhà, nhớ bà, nhớ bếp lửa.

Tiếng chim tu hú gọi về những buổi mai, hai bà cháu cùng nhau nhóm lửa giữa không gian mênh mông, cô quạnh. Tiếng chim lúc mơ hồ, vang vọng từ "những cánh đồng xa", lúc lại gần gũi, xót xa, nghe "sao mà tha thiết thế". Tiếng chim tu hú như giục giã, khắc khoải điều gì da diết lắm khiến cho lòng người trỗi dậy những hoài niệm, nhớ mong. Tiếng chim tu hú chính là hình ảnh của quê hương, nơi đó có người bà dù khó nhọc nhưng giàu tình yêu thương con cháu.

Nhà thơ đang kể chọt quay sang trò chuyện với bà, tưởng như bà đang ngồi đối diện "bà còn nhớ không bà". Bà có nhớ những câu chuyện bà vẫn thường kể, những câu chuyện cổ tích hằng đêm, dưới ánh trăng sáng, cháu ngồi trong lòng bà, đu đưa trên chiếc võng, vừa nghe bà kể vừa mân mê những sợi tóc bạc của bà hay

những câu chuyện về các anh bộ đội cụ Hồ dũng cảm, xả thân vì nước, vì dân? Bà có nhớ những việc làm tận tụy đầy yêu thương của bà dành cho cháu, nhất là trong những buổi chiều hai bà cháu ngồi nhóm bếp? Làm sao cháu có thể quên được hồi ấy:

*“Mẹ cùng cha công tác bận không về
Cháu ở cùng bà, bà bảo cháu nghe
Bà dạy cháu làm, bà chăm cháu học
Nhóm bếp lửa nghĩ thương bà khó nhọc”.*

Tình thương của bà là sự bảo ban, chăm sóc không khác gì công ơn sinh thành và nuôi dưỡng. Đối với tác giả, bà chính là mẹ, là cha, là người thầy dạy dỗ cháu nên người. Bà là người chăm chút cho cháu từ cái ăn, cái mặc đến việc học hành. Bà dạy cháu những bài học quý giá về đạo làm người, dạy cho cháu niềm tự hào về dân tộc ta, một dân tộc bất khuất, kiên cường, không bao giờ chịu khuất phục để bảo vệ quê hương Việt Nam. Đối với cháu, bà và tình yêu thương sâu lắng của bà dành cho cháu sẽ luôn là một chỗ dựa tinh thần vững chắc, là điểm tựa của tâm hồn cháu mỗi khi cháu gặp thất bại, khó khăn.

Đến tận bây giờ, dù đang du học nơi xứ người, đang đứng dưới trời tiết giá lạnh, cháu vẫn cảm nhận được cái ấm áp của tình yêu thương, của sự vỗ về, chăm sóc của bà. Càng nghĩ về bà, cháu lại càng thương bà hơn. Thương bà ở một mình dưới túp lều tranh xiêu vẹo, thương bà mỗi ngày một mình nhóm lửa, lòng luôn cầu mong đứa cháu được bình an. Từ tình yêu thương sâu sắc của mình dành cho bà, tác giả quay sang khẽ trách con chim tu hú:

*“Tu hú ơi! Chẳng đến ở cùng bà
Kêu chi hoài trên những cánh đồng xa?”*

Tác giả đang trách chim tu hú mãi bay xa ngoài các cánh đồng, không đến ở cùng với bà đỡ cô quạnh, đỡ buồn tủi hay tác giả đang trách sự vô tâm, bất lực của

chính bản thân mình? Câu thơ như một lời than thở thật tự nhiên, cảm động vô cùng chân thật, thể hiện nỗi nhớ thương da diết người bà của đứa cháu. Thời gian cứ trôi qua, bà vẫn xa vắng vắng...

Tiếng chim tu hú khép lại khổ thơ mà cứ như xoáy sâu vào tâm trí kẻ xa quê đang dáo dác kiếm tìm những kỉ niệm yêu thương... Âm điệu trong khổ thơ thật da diết, trầm buồn, phù hợp với tâm trạng của thi sĩ: nỗi nhớ quê, nhớ bà da diết, sâu đậm, day dứt...

Bài văn mẫu 2: Phân tích khổ 3 bài thơ Bếp lửa

Bằng Việt cũng có riêng ông một kỉ niệm, đó chính là những tháng năm sống bên bà, cùng bà nhóm lên cái bếp lửa thân thương. Không chỉ thế, điều in đậm trong tâm trí của Bằng Việt còn là tình cảm sâu đậm của hai bà cháu. Chúng ta có thể cảm nhận điều đó qua bài thơ “Bếp lửa” của ông. Bằng Việt thuộc thế hệ nhà thơ trưởng thành trong kháng chiến chống Mỹ. Bài thơ “Bếp lửa” được ông sáng tác năm 1963 lúc 19 tuổi và đang đi du học ở Liên Xô.

Bài thơ đã gợi lại những kỉ niệm đầy xúc động về người bà và tình bà cháu, đồng thời thể hiện lòng kính yêu, trân trọng và biết ơn của người cháu với bà, với gia đình, quê hương, đất nước. Tình cảm và những kỉ niệm về bà được khơi gợi từ hình ảnh bếp lửa. Ở nơi đất khách quê người, bắt gặp hình ảnh bếp lửa, tác giả chợt nhớ về người bà. Lớn lên từ những câu chuyện bà kể, từ những việc bà dạy cháu, từ những bài học của bà, mọi thứ như đang ở ngay trước mắt.

“Tám năm ròng cháu cùng bà nhóm lửa

Tu hú kêu trên những cánh đồng xa

Khi tu hú kêu bà còn nhớ không bà

Bà hay kể chuyện những ngày ở Huế

Tiếng tu hú sao mà tha thiết thế!”

“Cháu cùng bà nhóm lửa”, nhóm lên ngọn lửa của sự sống và của tình yêu bà cháy bỏng của một cậu bé hồn nhiên, trong trắng như một trang giấy. Chính hình ảnh bếp lửa quê hương, bếp lửa của tình bà cháu đó đã gợi nên một liên tưởng khác, một hồi ức khác trong tâm trí thi sĩ thuở nhỏ. Đó là tiếng chim tu hú kêu. Tiếng tu hú kêu như giục giã lúa mau chín, người nông dân mau thoát khỏi cái đói, và dường như đó cũng là một chiếc đồng hồ của đứa cháu để nhắc bà rằng: “Bà ơi, đến giờ bà kể chuyện cho cháu nghe rồi đấy!”. Từ “tu hú” được điệp lại ba lần làm cho âm điệu câu thơ thêm bồi hồi tha thiết, làm cho người đọc cảm thấy như tiếng tu hú đang từ xa vọng về trong tiềm thức của tác giả. Tiếng “tu hú” lúc mơ màng, lúc văng vẳng từ những cánh đồng xa láng láng lòng người cháu xa xứ. Tiếng chim tu hú khắc khoải làm cho dòng kỉ niệm của đứa cháu trải dài hơn, rộng hơn trong cái không gian xa thẳm của nỗi nhớ thương. Nếu như trong những năm đói kém của nạn đói 1945, bà là người gắn bó với tác giả nhất, yêu thương tác giả nhất thì trong tám năm ròng của cuộc kháng chiến chống Mỹ, tình cảm bà cháu ấy lại càng sâu đậm:

“Mẹ cùng cha bận công tác không về

.....

Kêu chi hoài trên những cánh đồng xa”

Trong tám năm ấy, đất nước có chiến tranh, hai bà cháu phải rời làng đi tản cư, bố mẹ phải đi công tác, cháu vì thế phải ở cùng bà trong quãng thời gian ấy, nhưng dường như đối với đứa cháu như thế lại là một niềm hạnh phúc vô bờ. Cùng bà, ngày nào cháu cũng cùng bà nhóm bếp. Và trong cái khói bếp chập chờn, mờ mờ ảo ảo ấy, người bà như một bà tiên hiện ra trong câu truyện cổ huyền ảo của cháu. Nếu như đối với mỗi chúng ta, cha sẽ là cánh chim để nâng ước mơ của con vào một khung trời mới, mẹ sẽ là cành hoa tươi thắm nhất để con cài lên ngực áo thì đối với Bằng Việt, người bà vừa là cha, vừa là mẹ, vừa là cánh chim, là một

cảnh hoa của riêng ông. Cho nên, tình bà cháu là vô cùng thiêng liêng và quý giá đối với ông. Trong những tháng năm sống bên cạnh bà, bà không chỉ chăm lo cho cháu từng miếng ăn, giấc ngủ mà còn là người thầy đầu tiên của cháu. Bà dạy cho cháu những chữ cái, những phép tính đầu tiên. Không chỉ thế, bà còn dạy cháu những bài học quý giá về cách sống, đạo làm người.

Những bài học đó sẽ là hành trang mang theo suốt quãng đời còn lại của cháu. Người bà và tình cảm mà bà dành cho cháu đã thật sự là một chỗ dựa vững chắc về cả vật chất lẫn tinh thần cho đứa cháu bé bỏng. Cho nên khi bây giờ nghĩ về bà, nhà thơ càng thương bà hơn vì cháu đã đi rồi, bà sẽ ở với ai, ai sẽ người cùng bà nhóm lửa, ai sẽ cùng bà chia sẻ những câu chuyện những ngày ở Huế,... Thi sĩ bỗng tự hỏi lòng mình: “Tu hù ối, chẳng đến ở cùng bà?”. Một lời than thở thể hiện nỗi nhớ mong bà sâu sắc của đứa cháu nơi xứ người. Chỉ trong một khổ thơ mà hai từ “bà”, “cháu” đã được nhắc đi nhắc lại nhiều lần gợi lên hình ảnh hai bà cháu sống đôi, gắn bó, quấn quýt không rời.

Qua đoạn thơ này ta thấy hiện lên một căn nhà quanh quẽ giữa đồng, chỉ hắt hắt có một già một trẻ. Đứa trẻ thì “ăn chưa no, lo chưa tới”, còn bà thì ốm yếu hơn hêm. Bà phải xoay sở nuôi thân mình và nuôi cả cháu. Vậy mà bà còn “bảo cháu làm, chăm cháu học” bên cạnh cái bếp lửa. Hình ảnh bếp lửa ở đây không ghi dấu đắng cay nữa mà đó là hình ảnh của một căn nhà ấm áp, nướng nấu để hai bà cháu sinh sống.

Bài văn mẫu 3: Phân tích khổ 3 Bếp lửa của Bằng Việt

Nhắc đến Bằng Việt, không ai là không nhắc đến Bếp lửa. Bếp lửa như một thứ gì đó âm ỉ nhưng không bao giờ tắt vì nó là tất cả những gì nhà thơ có của một thời tuổi thơ của mình. Bằng Việt sáng tác ra bài thơ Bếp lửa trong những tháng năm xa nhà, ở một đất nước xa xôi, nơi mà con người ta cảm thấy cô đơn và dễ

hoài niệm. Ông đã có những kỷ niệm với biết bao nhiêu gian khổ cùng người bà yêu dấu của mình, những kỷ niệm đã đi cùng ông cho đến cả cuộc đời sau này.

Con người ta có xa nhà, có cô đơn mới chợt nhớ về những người thân thương, nơi mà những con người đó mang đến cho ta những kỷ niệm đáng giá. Và với Bằng Việt cũng vậy, những năm tháng chiến tranh đã cho ông có được những kỷ niệm khắc cốt ghi tâm với người bà, ông lớn lên từ những câu chuyện bà kể, những việc bà dạy và cả những bài học bà chỉ.

Tám năm ròng cháu cùng bà nhóm lửa

Tu hú kêu trên những cánh đồng xa

Khi tu hú kêu bà còn nhớ không bà

Bà hay kể những ngày ở Huế

Tiếng tu hú sao mà tha thiết thế!

Mẹ cùng cha công tác bận không về

Cháu ở cùng bà, bà bảo cháu nghe

Bà dạy cháu làm, bà chăm cháu học

Nhóm bếp lửa nghĩ thương bà khó nhọc,

Tu hú ơi! chẳng đến ở cùng bà

Kêu chi hoài trên những cánh đồng xa?

Âm thanh của tiếng chim tu hú quen thuộc ở chốn đồng quê mỗi độ hè về cứ vang vọng, réo rắc cuộn xoáy vào trong lòng của người con xa xứ. Âm thanh của tú hú kêu được tái hiện trong những cung bậc và cảnh huống khác nhau: khi thì từ cánh đồng xa vọng lại (Tu hú kêu trên những cánh đồng xa) gọi lên một không gian rộng lớn, mênh mông và vắng lặng; khi thì lại rộn lên khắc khoải, da diết khiến lòng người trở lại những hoài niệm xa xăm (Khi tu hú kêu bà còn nhớ không bà/ Bà hay kể chuyện những ngày ở Huế); khi thì lại giống giả, kêu hoài đến khô khan, lạnh vắng trên những cánh đồng xa xôi, heo hút (Kêu chi hoài trên những

cánh đồng xa)... Tiếng chim tu hú trở thành điệp khúc chủ âm của những dòng hoài niệm hồi tám tuổi, có tác dụng khắc họa không gian sống vắng lặng, heo hút, mênh mông; lại vừa gieo vào lòng người đọc một nỗi buồn trống trải đến da diết, rợn ngợp. Tuy nhiên, tuổi thơ của người cháu vẫn thấm đẫm tình cảm yêu thương, đùm bọc curu mang của người bà yêu quý. “Mẹ và cha công tác bận không về” và hai bà cháu nương tựa vào nhau. Bên bếp lửa, bà kể chuyện cho cháu nghe, bà bảo ban, dạy dỗ và chăm cháu học. Các động từ: “bà bảo, bà dạy, bà chăm” đã diễn tả một cách sâu sắc và thấm thía tình yêu thương bao la, chăm chút của người bà dành cho người cháu.

Vì thế, bà trở thành ngọn nguồn ấm áp, vỗ về, nuôi nấng, chở che, giữ gìn tổ ấm gia đình và bà là sự kết hợp thiêng liêng cao quý của tình cha, nghĩa mẹ, công thầy trong những chuyến đi xa bận công tác của bố mẹ. Cho nên, người cháu luôn ghi lòng tạc dạ đức công ơn trời bể ấy của bà: “Nhóm bếp lửa nghĩ thương bà khó nhọc”. Chỉ một mình chữ “thương” thôi cũng đã đủ gói ghém tất cả tình yêu thương, sự kính trọng và niềm biết ơn sâu nặng mà người cháu dành cho bà của mình.
